

Bản án số: 34/2019/DS-ST

Ngày 29-11-2019

*V/v Tranh chấp dân sự về
hụi và hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp dân sự về hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp Bình Thành A, xã Bình Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: khóm 3, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Tuyết L, sinh năm 1980 (Vợ ông T). Địa chỉ cư trú: khóm 3, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Vào ngày 19/01/2019 (âm lịch) bà có lập và làm chủ 01 dây hụi tuần với số tiền góp là 1.000.000đồng. Dây hụi có 35 phần hụi, trong đó ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Tuyết L tham gia 02 phần. Ngày 04/02/2019 (âm lịch) ông T, bà L lĩnh hụi ở kỳ thứ 3 với số tiền là 23.360.000 đồng. Đến ngày 25/02/2019 (âm lịch) ông T, bà L tiếp tục lĩnh ở kỳ thứ 6 được số tiền là 28.670.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi thì ông T, bà L góp hụi đầy đủ như thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó thì hai bên có phát sinh mâu thuẫn với nhau, ông T, bà L không góp hụi từ ngày 13/7/2019 (âm lịch) cho tới ngày dây hụi chấp dứt là ngày 21/9/2019 (âm lịch).

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L trả số tiền hụi còn thiếu mà bà đã đứng ra góp thay là 22.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể như sau: Ngày 13/7/2019 (âm lịch) thiếu 3.000.000đ; ngày 17/7/2019 (âm lịch) thiếu 1.000.000đ; ngày 24/7/2019 (âm lịch) thiếu 2.000.000đ; ngày 02/8/2019 (âm lịch) đến ngày chấp dứt hụi là ngày 21/9/2019 (âm lịch) còn thiếu 08 kỳ nữa là 08×2 (phần) $\times 1.000.000đ = 16.000.000đ$.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông T, bà L trả số tiền vay còn thiếu gốc 5.000.000đ và tiền lãi là 1.400.000đ, tổng cộng gốc lãi là 6.400.000đ thì bà T rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Tuyết L trình bày:* Ông, bà thống nhất là vợ chồng có tham gia 02 phần hụi do bà T làm chủ hụi và đã lĩnh hụi được số tiền hụi như bà T trình bày. Do đã lĩnh hụi rồi nên ông, bà phải góp đủ hụi, không hưởng lãi, mỗi tuần góp là 2.000.000đ Hình thức góp hụi là tính theo tuần ngày thứ 7, nhưng giữa vợ chồng bà và bà T thỏa thuận là góp theo ngày (hụi gửi), 06 ngày đầu tuần từ chủ nhật tới thứ sáu mỗi ngày góp là 300.000đ (06 ngày \times 300.000đ = 1.800.000đ), tới thứ bảy góp (gửi) 200.000đ nữa là góp đủ phần hụi mà ông, bà tham gia. Ông, bà đã góp đủ như thỏa thuận, tuy nhiên đến ngày 23/7/2019 (âm lịch) là ngày thứ sáu thì hai bên có xảy ra mâu thuẫn nên từ đó về sau không góp hụi nữa.

Như vậy, tính từ ngày hai bên phát sinh mâu thuẫn là ngày 23/7/2019 (âm lịch) tới ngày chấm dứt dây hụi là ngày 21/9/2019 (âm lịch) thì vợ chồng ông, bà chỉ còn thiếu bà T 08 kỳ là chưa góp hụi và 200.000đ của kỳ ngày 24/7/2019 (âm lịch). Nay ông, bà thống nhất trả cho bà T số tiền 08 kỳ \times 02 (phần) $\times 1.000.000đ = 16.000.000đ$ và 200.000đ, tổng cộng là 16.200.000đ, không có lãi.

Còn đối với yêu cầu khởi kiện trả 5.000.000đ tiền vay và tiền lãi cho bà T thì ông, bà không thống nhất vì không có vay. Nay bà T rút đơn yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu này thì ông, bà không thống nhất. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Người làm chứng bà Trịnh Thị L trình bày:* Vợ chồng ông T, bà L không có vay tiền của bà T, những người làm chứng do bà T cung cấp là do bà T thuê.

- *Người làm chứng bà Ngô Thị Tuyết M trình bày:* Bà cũng tham gia đây hội mà hai bên đương sự đang tranh chấp, của bà T làm chủ và hiện nay hội đã chấm dứt. Hội này góp kỳ tuần vào ngày thứ bảy, nhưng theo thỏa thuận riêng giữa bà và bà T là gửi trước mỗi ngày 300.000đ từ chủ nhật đến thứ sáu, tới ngày thứ bảy góp (gởi) là 200.000đ là đủ, như bà L trình bày là đúng.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T, bà L liên đới trả số tiền hội còn thiếu cho bà T là 18.000.000đ, không lãi. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện tiền vay của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về hội và hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Tuyết L có địa chỉ cư trú tại khóm 3, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về tranh chấp tiền hui: Hai bên đương sự đều thống nhất về thời gian mở dây hui, chủ hui, kỳ hui, số phần hui tham gia, số tiền đã lĩnh hui và việc dây hui chỉ có danh sách hui và khi lĩnh hui hai bên làm biên nhận, còn khi góp hui thì không làm biên nhận. Hai bên đương sự cũng thống nhất ngày xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên là ngày 23/8/2019 (nhằm ngày 23/7/2019 âm lịch), kể từ ngày này thì các bên không góp hui nữa. Ngày xảy ra mâu thuẫn này cũng phù hợp với ngày trong hồ sơ giải quyết tại Công an phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự. Vì vậy, nội dung còn tranh chấp giữa hai bên là số tiền hui còn thiếu do chưa góp.

Xét thấy, ngày mở hui là ngày 19/01/2019 (âm lịch) ngày thứ bảy, kỳ mở hui là 01 tuần, vì vậy nên tới ngày thứ bảy hàng tuần là ngày góp hui cho đến khi chấm dứt dây hui. Hai bên thống nhất là từ ngày xảy ra mâu thuẫn 23/7/2019 (âm lịch) thì các bên không góp hui nữa, ngày 23/7/2019 (âm lịch) chưa tới kỳ hui các bên đã thỏa thuận. Vì vậy tính từ ngày 23/7/2019 (âm lịch) tới khi chấm dứt dây hui ngày 21/9/2019 (âm lịch) là còn 09 kỳ hui. Cụ thể 09 kỳ như sau (theo ngày âm lịch): 24/7/2019, 02/8/2019, 09/8/2019, 16/8/2019, 23/8/2019, 30/8/2019, 07/9/2019, 14/9/2019, 21/9/2019.

Nguyên đơn cho rằng trước khi xảy ra mâu thuẫn là ngày 13/7/2019 (âm lịch) thì ông T, bà L còn thiếu tiền hui chưa góp là 3.000.000đ của dây hui này là và ngày 17/7/2019 (âm lịch) thiếu 1.000.000đ. Nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận việc này, nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng, tính từ ngày hai bên phát sinh mâu thuẫn là ngày 23/7/2019 (âm lịch) tới ngày chấm dứt dây hui là ngày 21/9/2019 (âm lịch) thì vợ chồng bà chỉ còn thiếu bà L 08 kỳ chưa góp hui là 16.000.000đ và 200.000đ của kỳ ngày 24/7/2019 (âm lịch). Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 16.000.000đ của 8 kỳ là có cơ sở vì phù hợp với những phân tích ở trên. Đối với kỳ hui ngày 24/7/2019 (âm lịch) thì ông T, bà L cho rằng là mình đã góp được 1.800.000đ, chỉ còn thiếu 200.000đ, tuy nhiên nguyên đơn không thống nhất việc này, ông T, bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ.

Từ những nội dung phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T, bà L còn thiếu tiền hui 09 kỳ chưa góp cho bà T là có cơ sở để chấp nhận. Do ông T, bà L tham gia 02 phần nên số tiền còn thiếu chưa góp là 09 kỳ x 02 phần x 1.000.000đ = 18.000.000đ. Bà T đã góp thay số tiền này, nên ông T, bà L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T về tiền hui được chấp nhận 01 phần là 18.000.000đ, không có lãi.

- Về tranh chấp hợp đồng vay: Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này, nên yêu cầu này được đình chỉ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ.

Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L phải chịu là 900.000đ.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 217, 227, 228, 229, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 20, 25 và 28 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Tuyết Loan liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hui còn thiếu là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng

tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản, về việc bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Tuyết L trả số tiền vay còn thiếu là gốc 5.000.000đ và lãi 1.400.000đ, tổng cộng gốc lãi 6.400.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 985.000đ theo biên lai số 0007317 ngày 30/8/2019, biên lai số 0007404 ngày 22/10/2019, biên lai số 0007434 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Bà T được nhận lại tiền chênh lệch đã nộp là 685.000đ.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Tuyết L liên đới chịu 900.000đ.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh